

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Văn Ưc
- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Công D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày: Hôn nhân giữa bà và Tiên ông D tự tìm hiểu, tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 13/8/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D ham chơi cờ bạc và hay bạo lực gia đình, trước đây bà T có làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng để hàn gắn tình cảm vợ chồng bà T tự nguyện rút lại đơn khởi kiện, nay không thể đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn với ông D

- Về con chung: Bà T và ông D có 01 đứa con chung tên Trần Thị Ánh T1, sinh ngày 11/11/2019 đang ở với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Trần Công D có nơi cư trú tại: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Ông D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không có bản tự khai, Tòa án không ghi được lời khai, Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Do đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà Trần Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Công D;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 13/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Công D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ánh T1, sinh ngày 11/11/2019 cho bà Trần Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trần Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Cẩm T tạo mọi điều kiện cho ông Trần Công D đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Công D có nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông D được thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Khu Văn H sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 109/HT/2013 quyển số 01/2013 ngày 16/8/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung giữa T với ông D hòa thuận, hạnh phúc đến 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D không lo kinh tế cho gia đình, nhiều khi đánh đập bà T, đã không còn sống chung từ đầu năm 2024 cho đến nay, nhận thấy tình cảm không còn, nên bà T yêu cầu xin ly hôn với ông D.

Ông D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai, tuy nhiên qua xác minh người thân của ông D thì được biết cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, bà T từng khởi kiện ly hôn với ông D nhưng sau đó rút lại yêu cầu khởi kiện, nay tiếp tục xin ly hôn với ông D điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho bà T được ly hôn với ông D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 13/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Công D không còn giá trị pháp lý.

[4] Về nuôi con chung: Bà T, ông D có 01 đứa con chung tên Trần Thị Ánh T1, sinh ngày 11/11/2019 hiện nay đang sống với bà T ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T tạo mọi điều kiện cho ông D đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết,

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Ông Trần Công D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 80; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; *Điều 147, khoản 2 Điều 227 và*

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Cẩm T và ông Trần Công D;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 13/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Công D không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thị Ánh T1, sinh ngày 11/11/2019 cho bà Trần Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trần Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Cẩm T tạo mọi điều kiện cho ông Trần Công D đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết

- Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0013613 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Công D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làn, đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình

